

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 125/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1979,

Địa chỉ: Khu 7, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Phùng Quang H, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Khu 7, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đào Ngọc Đ

- Ông Phùng Văn C, sinh năm 1950

- Bà Tạ Thị C, sinh năm 1958

- Anh Phùng Quang H, sinh năm 1977

- Chị Bùi Thị H, sinh năm 1987

Đều có địa chỉ: Khu 7, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ

- Ông Phùng Văn D, sinh năm 1958

- Bà Phùng Thị T, sinh năm 1963

Đều có địa chỉ: Khu 8, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ

- Anh Phùng Ngọc H, sinh năm 1984

Địa chỉ: Phường X, quận T, thành phố Hà Nội

- Anh Bùi Văn D, sinh năm 1975

- Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1978

Đều có địa chỉ: Khu 4, xã C, huyện H, tỉnh Phú Thọ

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Phùng Quang H được quyền sử dụng tài sản riêng là thửa đất số 48, tờ bản đồ số 21-2, loại đất trồng rừng diện tích đất 987m² tại khu 7, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ, đã được Ủy ban nhân dân huyện Hạ Hòa cấp giấy CNQSDĐ số BS 758467 ngày 16/4/2014 đứng tên chủ hộ Phùng Quang H;

Về tài sản chung:

Chị Bùi Thị T được quyền sử dụng thửa đất 184, tờ bản đồ số 58 diện tích 1.734,5m², loại đất trồng cây lâu năm tại khu 7, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ trị giá 30.700.000 đồng và sở hữu toàn bộ cây chè trồng trên thửa đất này trị giá 20.000.000 đồng; sở hữu 01 tủ lạnh Toshiba trị giá 1.500.000 đồng, 01 tủ đứng 2 buồng trị giá 300.000 đồng. Tổng tài sản được hưởng trị giá 52.500.000 đồng.

Anh Phùng Quang H được sở hữu toàn bộ cây keo trồng trên diện tích đất 987m² thửa đất số 48, tờ bản đồ 21-2 nêu trên tại khu 7, xã Y trị giá 15.000.000 đồng; sở hữu công trình xây dựng trên thửa đất của ông Phùng Văn C tại khu 7, xã Y gồm 01 nhà xây mái bằng + 01 tum diện tích 65m², 01 nhà bếp và công trình phụ diện tích 25m², 01 chuồng lợn xây lợp plover xi măng, tổng trị giá công trình xây dựng là 200.000.000 đồng; sở hữu 01 xe máy Wave S BKS 19F1-201.49 trị giá 7.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế xa lon nan trị giá 1.500.000 đồng, 01 tủ ly trị giá 1.000.000 đồng; 02 chiếc giường gỗ xoan + gỗ mít trị giá 600.000 đồng. Tổng tài sản được hưởng trị giá 225.100.000 đồng.

Anh H có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch trị giá cây keo cho chị T là 7.500.000 đồng. Thời hạn thanh toán là ngày 10/9/2019.

Anh H không phải thanh toán chênh lệch các tài sản khác cho chị T.

Về công nợ:

Chị Tiến trả nợ cho anh Bùi Văn D và chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 20.000.000đ

Anh H trả nợ cho anh Phùng Quang H và chị Bùi Thị H số tiền 45.000.000đ; trả nợ cho ông Phùng Văn D và bà Phùng Thị T số tiền 7.400.000đ; trả nợ cho anh Phùng Ngọc H 10.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung: Các bên thống nhất thỏa thuận chịu án phí đối với phần tài sản được chia sau khi thanh toán chênh lệch tài sản và trừ đi nghĩa vụ trả nợ. Chị T chịu án phí chia tài sản chung là 1.000.000 đồng. Anh H chịu án phí chia tài sản chung là 3.880.000 đồng.

Xác nhận chị T đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo biên lai số **0003566** ngày **20/7/2018** của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Hạ Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hạ Hòa;
- **UBND xã Y, huyện H;**
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP-KT.

THẨM PHÁN

Đã ký

Trần Đình Chi